

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂY SƠN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-08-2023

V/v tranh chấp không công  
nhận vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Thành Trọng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Dung.
2. Ông Bùi Đức Thuận.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Dương Tấn Phát - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).  
Trú tại: xóm 3, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh B.
2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: xóm 3, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh B.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày:

Chị và anh Huỳnh Văn Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên chấp nhận. Do không hợp tuổi nên hai bên gia đình thống nhất không tổ chức lễ cưới mà chỉ sống chung như vợ chồng với anh Đ từ năm 1997 cho đến nay. Sau khi về chung sống, chị nhiều lần nhắc anh Đ đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B nhưng anh Đ không chịu đi đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Thời gian đầu chị và anh Đ chung sống hạnh phúc với nhau. Đến năm 2001, chị và anh Đ đã bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh Đ thường xuyên uống rượu bia về nhà đánh đập chị nhiều lần, chị đã đưa sự việc ra hòa giải tại thôn H, xã B nhưng sau đó không hàng găng được, nên lại thường xuyên xảy ra việc kinh cãi và anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không còn tình cảm với chị nữa. Chị đã khuyên nhủ nhưng anh Đ không cải sửa tính tình, vẫn tánh nào tặc nấy. Chị và anh Đ xảy ra mâu thuẫn gay gắt và phải sống ly thân từ tháng 08 năm 2022 cho đến nay, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, phần ai nấy sống. Nay tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, nhưng chị và anh Đ không có đăng ký kết hôn. Do vậy, chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung tên Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 và Huỳnh Như Y, sinh năm 2001. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị tật nguyền, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo cho bản thân nên chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Tại phiên Tòa hôm nay, bị đơn anh Huỳnh Văn Đ trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị Trương Thị T về thời gian chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lý do, anh đi làm thợ hồ, thường xuyên đi làm ăn xa, về địa phương thời gian trôi qua nên sống với chị T cho đến nay mà không có đi đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn thì anh thống nhất như

lời trình bày của chị T. Tuy nhiên, anh không có ngoại tình với người phụ nữ khác như chị T đã trình bày mà là do chị T có người đàn ông khác, từ đó mới xảy ra mâu thuẫn, nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh. Nay anh không còn tình cảm gì với chị T, mâu thuẫn đã trầm trọng, phần ai nấy sống nhưng anh và chị T không có đăng ký kết hôn. Do vậy, anh cũng thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị T về con chung. Anh và chị T có 02 con chung tên Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 và Huỳnh Như Y, sinh năm 2001. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị tật nguyền, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo cho bản thân nên anh cũng thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản chung.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/5/2023, Công an xã B, huyện T cung cấp: anh Huỳnh Văn Đ, sinh năm 1973, có đăng ký hộ khẩu thường trú (số 702) và đang cư trú tại xóm 3, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh B. Anh Đ hiện đang làm việc và sinh sống tại địa phương.

Theo văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B thì chị Trương Thị T và anh Huỳnh Văn Đ chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, chị Trương Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng Dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T, không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng; về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung tên Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 và Huỳnh Như Y, sinh năm 2001. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị tật nguyền, tự lo cho bản thân nên miễn xét; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét; về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị T và anh Huỳnh Văn Đ tự nguyện tìm hiểu, gia đình hai bên chấp nhận nhưng không có tổ chức lễ cưới. Hai bên chung sống với nhau từ năm 1997 cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình nên không được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi về chung sống với nhau, thời gian đầu hạnh phúc. Đến năm 2001, chị T và anh Đ bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: do anh Đ thường xuyên uống rượu bia về nhà đánh đập chị T nhiều lần, chị T đã đưa sự việc ra hòa giải tại thôn H, xã B nhưng sau đó không hàng găng được nên thường xuyên xảy ra việc kình cãi. Ngoài ra, chị T cho rằng anh Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, không còn yêu thương chị. Chị T đã khuyên nhủ nhưng anh Đ không cải sửa tính tình, vẫn tách nào tạt nấy. Vì vậy, chị T và anh Đ đã sống ly thân nhau từ tháng 08 năm 2022 cho đến nay, không quan tâm lo lắng gì cho nhau, phần ai nấy sống. Anh Đ lại bỏ mặc, không quan tâm nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, sống với nhau không đăng ký kết hôn, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, khi chị T gửi đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận vợ chồng, anh Đ có mặt tại địa phương; mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa, vẫn bỏ mặc cho tình trạng hôn nhân của mình. Trong quá trình chung sống, chị T nhiều lần nhắc anh Đ đi đăng ký kết hôn tại UBND xã B nhưng anh Đ không chịu đi đăng ký theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh Đ cũng thống nhất yêu cầu Tòa không công nhận anh và chị Tiến là vợ chồng. Do đó, việc chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng để trả quyền tự do cho nhau là phù hợp với Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Tiến và anh Đ có 02 con chung tên Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 và Huỳnh Như Y, sinh năm 2001. Các con chung hiện nay đã trưởng thành, không bị tật nguyền, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, tự lo cho bản thân. Chị T và anh Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Huỳnh Văn Đ không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trương Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007777 vào ngày 24/04/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 16, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Không công nhận chị Trương Thị T và anh Huỳnh Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung:

Chị Trương Thị T và anh Huỳnh Văn Đ có 02 con chung tên Huỳnh Trung K, sinh năm 1999 và Huỳnh Như Y, sinh năm 2001 nhưng các con chung đã trưởng thành và chị T, anh Đ không có ý cầu gì nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0007777 vào ngày 24/04/2023 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu. Chị Tiến đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Tường;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phan Thành Trọng**